

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày cấp: 28.03.2018

Phiên bản 1.0

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	106507
Tên sản phẩm	Sodium dithionite for analysis EMSURE®
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	7775-14-6

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Các chất tự gia nhiệt, Nhóm 1, H251

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H251 Tự gia nhiệt; có thể bắt cháy.

EUH031 Giải phóng ra khí độc khi tiếp xúc với axit.

EUH208 - Chứa:

Hexamethylenetetramine

Có thể gây dị ứng.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 106507
Tên sản phẩm Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Cảnh báo nguy hiểm

H251 Tự gia nhiệt; có thể bắt cháy.

Chỉ số-Số 016-028-00-1

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	Na ₂ S ₂ O ₄	Na ₂ O ₄ S ₂ (Hill)
Chỉ số-Số	016-028-00-1	
Số EC	231-890-0	
Khối lượng mol	174,11 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

sodium dithionite (>= 50 % - <= 100 %)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

7775-14-6 *)

Các chất tự gia nhiệt, Nhóm 1, H251

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302

sodium carbonate (>= 3 % - < 10 %)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

497-19-8 *)

Kích ứng mắt, Nhóm 2, H319

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	106507
Tên sản phẩm	Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Hexamethylenetetramine ($\geq 0,1\%$ - $< 1\%$)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

100-97-0 *) dễ cháy chất rắn, Nhóm 2, H228
Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, Ho, liệt hô hấp, Khó thở, Đau đớn, Tiêu chảy, Buồn nôn, Nôn mửa, suy sụp, suy yếu cơ bắp, Các phản ứng dị ứng, tử vong

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Thuốc nhuận tràng: Natri sulfat (1 thìa/1/4 l nước).

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Carbon diôxít (CO₂), Bột khô, Cát

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Nước, Bột

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

rủi ro tự bốc cháy!

Nguy cơ nổ bụi.

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Hòa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

Ôxít lưu huỳnh

Có thể không tiếp xúc với:

Nước

Thận trọng! khi tiếp xúc với sản phẩm nước:

Ôxít lưu huỳnh, Sản phẩm này phản ứng với nước và tỏa nhiệt.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Thận trọng! Nhiệt độ > 50°C có thể gây bốc hơi trong thùng chứa kín. Quá áp suất có thể gây ra nguy cơ nổ.

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Giữ cho nơi làm việc khô ráo. Không để sản phẩm tiếp xúc với nước.

Các biện pháp vệ sinh

Thay quần áo bẩn. Khuyến nghị bảo vệ da phòng ngừa. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile

Độ dày của găng: 0,11 mm

Thời gian thấm: > 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile

Độ dày của găng: 0,11 mm

Thời gian thấm: > 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: bình lọc ABEK

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	bột
Màu sắc	màu trắng
Mùi đặc trưng	Gây nhức
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	5,5 - 8,5 ở 50 g/l 20 °C
Điểm nóng chảy	Khoảng 100 °C (sự phân hủy)
Điểm sôi/khoảng sôi	Không áp dụng được
Điểm chớp cháy	> 100 °C Phương pháp: DIN 51758

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 106507
Tên sản phẩm Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ	Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	2,5 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	Khoảng 250 g/l ở 20 °C (phân hủy chậm)
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: < -4,7 (được tính) (MSDS bên ngoài) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Tự gia nhiệt; có thể bắt cháy.
Nhiệt độ phân hủy	> 80 °C
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	106507
Tên sản phẩm	Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Đặc tính ôxy hóa	không
------------------	-------

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	> 200 °C Phương pháp: DIN 51794
-------------------	------------------------------------

Mật độ lớn	Khoảng 1.250 kg/m ³
------------	--------------------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Tự gia nhiệt; có thể bắt cháy.
Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.
Nguy cơ nổ bụi.

10.2 Tính ổn định hóa học

Trong trường hợp phân hủy trong bình chứa và ống kín, rủi ro nổ do hình thành áp lực quá cao.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:
Chất oxy hóa, muối của axit oxyhalogenic
Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:
Nước
Tạo ra các khí hoặc khói nguy hiểm khi tiếp xúc với:

Axit

10.4 Các điều kiện cần tránh

Tiếp xúc với hơi ẩm.
Gia nhiệt (phân hủy).
Nhiệt độ cao.

10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 2.500 mg/kg

(MSDS bên ngoài) (Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI)

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Các triệu chứng đau rát ở đường hô hấp., Ho, Khó thở

Độc tính cấp qua da

Thông tin này không có sẵn.

Kích ứng da

Thỏ

Kết quả: Không kích thích

(MSDS bên ngoài)

Kích ứng mắt

Hư hỏng có thể: Kích ứng nhẹ

Nhạy cảm

Có thể gây dị ứng.

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

(MSDS bên ngoài)

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ một lượng lớn:

Buồn nôn, Nôn mửa

Ảnh hưởng hệ thống:

đau đớn, Tiêu chảy, suy yếu cơ bắp, suy sụp, liệt hô hấp, tử vong

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 *Leuciscus idus* (orfe vàng): 46 - 68 mg/l; 96 h

DIN 38412

(Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 98 mg/l; 48 h

(MSDS bên ngoài) (Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI)

Độc đối với tảo

IC50 *Desmodesmus subspicatus* (tảo lục): 206 mg/l; 72 h

(MSDS bên ngoài) (Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Độc tính đối với vi khuẩn

EC50 *Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*): 107 mg/l; 17 h

DIN 38412

(Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

Phương pháp xác định khả năng phân hủy sinh học không được áp dụng cho các chất vô cơ

Nhu cầu Oxy Hoá học (COD)

210 mg/g

(MSDS bên ngoài)

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: < -4,7

(được tính)

(MSDS bên ngoài) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Các thông tin sinh thái khác

Phản ứng với nước để tạo thành các sản phẩm phân hủy độc hại.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bồn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1384
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	SODIUM DITHIONITE
14.3 Hạng	4.2
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1384
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	SODIUM DITHIONITE
14.3 Hạng	4.2
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	106507
Tên sản phẩm	Sodium dithionite for analysis EMSURE®

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN UN 1384

14.2 Tên vận chuyển thích hợp SODIUM DITHIONITE

14.3 Hạng 4.2

14.4 Nhóm đóng gói II

14.5 môi trường độc hại --

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có

EmS F-A S-J

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 4.2

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H228	Chất rắn dễ cháy.
H251	Tự gia nhiệt; có thể bắt cháy.
H302	Có hại nếu nuốt phải.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

106507

Tên sản phẩm

Sodium dithionite for analysis EMSURE®

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.